

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 15/Lê Nam/2019

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm.**

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH SX-TM-DV Lê Nam.

Địa chỉ: Ấp mới 2, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Điện thoại: 072 3751690. Fax: 072 3751690

E-mail: info@lenamfoods.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 1100747809

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:.....Ngày Cấp/Nơi cấp: ..... (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định).

**II. Thông tin về sản phẩm.**

1. Tên sản phẩm: CỐT LẤU VỊ NÁM

2. Thành phần: Đường, bắp mỹ, củ cải, dầu ăn, chất điều vị (621), muối, hạt nêm chay, nấm đông cô 4%, me, sả, ớt, nước, hành tím, tiêu, màu tự nhiên (160bi, 160c), gừng, chất chống oxy hóa (316).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 8 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách bao gói: 105 g.

- Thành phẩm đóng trong hủ PP.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):.....

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)**

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/ BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/ BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế về Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Văn bản số 02/VBHN-BYT ngày 15/6/2015 của Bộ Y tế về việc Văn bản hợp nhất Thông tư hướng dẫn quản lý phụ gia thực phẩm.
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

- Thông tư 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 27/10/2014 về việc hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Long An, ngày 19 tháng 02 năm 2019

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**



**Hoàng Dũng Tâm**





## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu	743-2018-00062267
Mã số kết quả	AR-18-VD-066539-01 / EUVNHC-00049381



**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LÊ NAM**

Ấp mới 2, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa

Long An  
Việt Nam

Tên mẫu:	CỐT LẦU VỊ NẤM
Tình trạng mẫu:	Mẫu đựng trong hũ nhựa
Ngày nhận mẫu :	12/09/2018
Thời gian thử nghiệm:	12/09/2018 - 13/09/2018
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:	21/09/2018
Mã số PO của khách hàng :	VW23180912025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD864 VD (a) Cholesterol	mg/kg	AOAC 994.10 mod	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD279 VD (a) Natri (Na)	g/100 g	AOAC 969.23	4,12

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên	 
Nguyễn Phương Phi Giám Đốc Sản Xuất	Ly Hoàng Hải Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Phương Phi 22/09/2018

<p><b>Ghi chú giải thích</b></p> <p>Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được công thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng.</p> <p>Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp phân tích được xác định bởi 2 ký tự VD được thực hiện tại phòng thí nghiệm CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2005 VILAS 238</p>
---

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2018-00084204  
Mã số kết quả: AR-18-VD-092470-01-VI / EUVNHC-00055852



**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LÊ NAM**

Ấp mới 2, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa

Long An  
Việt Nam

Tên mẫu: CỐT LẬU VỊ NÂM  
Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong túi nhựa  
Ngày nhận mẫu: 27/11/2018  
Thời gian thử nghiệm: 27/11/2018 - 03/12/2018  
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 04/12/2018  
Mã số PO của khách hàng: VW23181127244




STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD157 VD Xơ dinh dưỡng	%	AOAC 991.43	3,20
2	VD304 VD (a)(f)(g) Đường tổng	%	TCVN 4594:1988 (ST SEV 3450:1981)	24,9
3	VD652 VD Acid béo bão hòa	g/100 g	EN ISO 15304	4,45
4	VD652 VD Acid béo dạng trans	g/100 g	EN ISO 15304	Không phát hiện (LOD=0.005)
5	VD563 VD (a) Vitamin D <sub>3</sub>	µg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-143) (GC-MS)	Không phát hiện (LOD=0.2)
6	VD128 VD (a) Canxi (Ca)	mg/kg	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-010) (Ref. AOAC 968.08 (2011))	219
7	VD255 VD (a) Kali (K)	mg/kg	AOAC 969.23	1760
8	VD890 VD (a) Sắt (Fe)	mg/kg	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-243) (Ref. AOAC 2015.01)	11,9

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Phương Phi  
Giám Đốc Sản XuấtLý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Phương Phi 07/12/2018

### Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.  
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.  
Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được công thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng.  
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.  
Các phương pháp phân tích được xác định bởi 2 ký tự VD được thực hiện tại phòng thí nghiệm CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2005 VILAS 238. (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo VFA-Chỉ Định An Toàn Thực Phẩm. (g) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo NAFIQAD-Chỉ Định An Toàn Thực Phẩm

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2018-00057537  
Mã số kết quả: AR-18-VD-062484-01 / EUVNHC-00048030



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LÊ NAM

Ấp mới 2, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa

Long An  
Việt Nam



Tên mẫu: CỐT LẬU VỊ NÂM  
Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong hộp nhựa  
Ngày nhận mẫu: 24/08/2018  
Ngày bắt đầu phân tích: 24/08/2018  
Ngày hoàn thành phân tích: 01/09/2018  
Mã số PO của khách hàng: VW2318080197

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	4,9x10 <sup>2</sup>
2	VD340 VD (a)(g) Coliforms	cfu/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD353 VD (a)(f) Escherichia coli	cfu/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD368 VD (a)(g) Salmonella spp.	/25 g	TCVN 4829:2005 (ISO 6579:2002/Amd 1:2007)	Không phát hiện
5	VD373 VD (a) Staphylococcus aureus	cfu/g	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:2003)	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc	cfu/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD129 VD Carbohydrates	g/100g	AOAC 986.25 mod.	26,9
8	VD165 VD (a)(f)(g) Béo	g/100g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-050 ) (Ref. FAO Food 14/7-1986)	11,8
9	VD263 VD (a)(f)(g) Đạm	g/100g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-047 ) (Ref. FAO Food 14/7-1986)	5,17
10	VD543 VD Năng lượng	kcal/100 g	FAO 2013 77	235
11	VD210 VD (a)(f)(g) Độ ẩm	g/100g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-048 )	47,9
12	VD269 VD (d) Muối (NaCl)	g/100g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-096) (Ref. FAO Food 14/7-1986)	5,45
13	VD689 VD Chất khô hòa tan	g/100g	TCVN 5610:2007 (ISO 9768:1994)	44,0

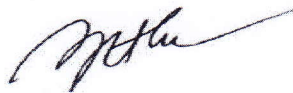


## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
14	VD855 VD (a) Cadmium (Cd)	mg/kg	AOAC 2015.01	Phát hiện vết (<0,02)
15	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.02)
16	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
17	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.004)
18	VD063 VD Ochratoxin A	µg/kg	AOAC 2000.09	Không phát hiện (LOD=1)
19	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/kg	DIN EN 14123:2008-03 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)
20	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	DIN EN 14123:2008-03 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Phương Phi  
Giám Đốc Sản Xuất



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Phương Phi 05/09/2018

### Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được cộng thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp phân tích được xác định bởi 2 ký tự VD được thực hiện tại phòng thí nghiệm CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KỶ HẢI ĐĂNG. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2005 VILAS 238. (d) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Animal Feed Testings Lab Certificate. (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Ministry of Health Food Safety Lab Certificate. (g) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo NAFIQAD-Food Safety Lab Certificate